

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày 30 tháng 10 năm 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Ánh Tuyết- Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐXX- ST ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là V); trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H, do ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Tuấn A- Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SEM và cá nhân, V hội sở (văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ- HĐQT ngày 02/3/2018, vắng mặt).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1993- Cán bộ xử lý nợ V AMC (văn bản ủy quyền số: 1159/2019/UQ- VPB ngày 17 tháng 4 năm 2019, có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 257 đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2019 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Huy T trình bày: Ngày 15/9/2016, bà Nguyễn Thị Minh H có ký hợp đồng tín dụng số LD1626300467 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là V) để vay số tiền 200.000.000đ; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất ban

đầu 28%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng một lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là 01/01/2017, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. V đã giải ngân đầy đủ số tiền 200.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản vay của bà Nguyễn Thị Minh H đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn. Bà Nguyễn Thị Minh H đã thanh toán được tổng cộng là 83.583.592đ (trong đó số tiền gốc là 23.033.121đ, tiền lãi là 60.353.245đ, phạt chậm trả lãi là 129.829đ). Tính đến ngày 30/10/2019, bà Nguyễn Thị Minh H còn nợ 351.341.324đ (trong đó nợ gốc là 176.966.879đ), nợ lãi là 124.583.592đ, phạt chậm lãi là 49.790.853đ). V yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày bà Nguyễn Thị Minh H thanh toán hết nợ tại V. Trường hợp bà Nguyễn Thị Minh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Minh H để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Minh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình làm việc tại Tòa án trình bày: Xác nhận ngày ký hợp đồng vay, số tiền vay, mục đích, hình thức vay, lãi suất, phương thức, kỳ hạn trả nợ và số tiền còn nợ như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay V kiện đòi số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi, tiền phạt chậm trả là 351.341.324đ, bà Nguyễn Thị Minh H đề nghị V tạo điều kiện cho bà H được trả nợ thành nhiều lần và miễn cho bà Nguyễn Thị Minh H toàn bộ khoản nợ lãi.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải các ngày 04/7/2019 và ngày 22/7/2019, bà Nguyễn Thị Minh H cam kết sẽ trả dần khoản nợ thành nhiều lần nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 bà Nguyễn Thị Minh H không thực hiện được cam kết trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà H phải trả phạt chậm lãi là 49.790.853đ). Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh H phải trả cho V số tổng số tiền gốc, tiền lãi tính đến hết ngày 30/10/2019 là 325.989.597đ (trong đó nợ gốc là 176.966.879đ, nợ lãi là 149.022.718đ). Ngân hàng không đồng ý cho bà Nguyễn Thị Minh H trả nợ dần và không đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích để tiêu dùng cá nhân nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà H nhưng ngày 29/10/2019 bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bà H không trở ngại gì cho việc xét xử của Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch vay tài sản giữa các bên phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, thời điểm ký kết hợp đồng là năm 2016 nên pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về nội dung vụ án, xét thấy: Giữa V với bà Nguyễn Thị Minh H có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1626300467 ngày 15/9/2016 về việc V cho bà Nguyễn Thị Minh H vay số tiền 200.000.000đ để tiêu dùng cá nhân với hình thức tín chấp. Theo hợp đồng tín dụng thì thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất ban đầu 28%/năm, lãi suất lãi suất thay đổi 3 tháng một lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là 01/01/2017, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Minh H đã nhận đủ tiền vay nhưng đến kỳ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Minh H chỉ trả được 83.583.592đ (trong đó số tiền gốc là 23.033.121đ, tiền lãi là 60.353.245đ, phí phạt chậm trả lãi là 129.829đ), còn lại không trả được tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đề nghị được trả tiền gốc làm nhiều lần và đề nghị Ngân hàng miễn cho toàn bộ tiền lãi. Do bà H vay mục đích vay tiêu dùng nên trách nhiệm trả nợ thuộc cá nhân bà H, phía V chỉ yêu cầu cá nhân bà H có trách nhiệm trả nợ. Người đại diện theo ủy quyền của V không đồng ý với yêu cầu được trả dần tiền gốc và không đồng ý miễn toàn bộ tiền lãi cho bà H.

[5] Theo quy định tại khoản 1 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*. Đối với số tiền lãi theo mức lãi suất 28%/năm theo thỏa thuận giữa các bên nhưng vì V là tổ chức tín dụng được thực hiện các hoạt động huy động vốn và hoạt động tín dụng (cho vay ngắn hạn, trung hạn, cho vay tiêu dùng....). Hoạt động tín dụng của V chịu sự điều chỉnh của Luật Tổ chức tín

dụng. Khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Tại Điều 1 của T tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: “Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả” nên việc các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 28%/năm phù hợp với quy định của pháp luật.

Do bà H đã vi phạm cam kết về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H có trách nhiệm trả nợ cho V số tiền là 325.989.597đ (trong đó nợ gốc là 176.966.879đ, nợ lãi là 149.022.718đ. Đối với phạt chậm trả lãi với số tiền là 49.790.853đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp 5% giá trị tài sản tranh chấp là 325.989.597 đồng $\times$ 5% = 16.299.479 đồng (làm tròn 16.299.000đ, V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Minh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tính đến hết ngày 30/10/2019 là 325.989.597đ (trong đó nợ gốc là 176.966.879đ, nợ lãi là 149.022.718đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/10/2019), bà Nguyễn Thị Minh H không trả được số tiền nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu số tiền 16.299.000đ. Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 6.460.000đ (Sáu triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004419 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền